



BẢNG GIÁ DỰ THẦU LẦN 01
(Gói thầu 02-PPPL/01.21/HSG – Mở thầu ngày 30 tháng 12 năm 2020)

Bên Dự thầu:
 Tên đơn vị/cá nhân:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Fax:

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
1	1	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	200	150			
	2	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 250 tấn	Phú Mỹ	340	250			
	3	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 300 tấn	Phú Mỹ	410	300			
	4	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 400 tấn	Phú Mỹ	540	400			
	5	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	190	150			
	6	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 250 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	320	250			
	7	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	180	150			
	8	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 200 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	240	200			
	9	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 350 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	420	350			
	10	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 450 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	540	450			
2		Biên thép cán nguội	Phú Mỹ	70		50	70	
3	1	Biên thép kèm lạnh - Lô 50 tấn	VLXD Phú Mỹ	50	50			
	2	Biên thép kèm lạnh - Lô 100 tấn	VLXD Phú Mỹ	90	100			
	3	Biên thép kèm lạnh - Lô 70 tấn	Nghệ An - Đông Hải	70	70			
	4	Biên thép kèm lạnh - Lô 70 tấn	Hà Nam	70	70			
4		Biên thép kèm lạnh	Bình Định - Nhơn Hội	60		50	70	
5		Biên thép kèm lạnh	MTV Phú Mỹ	30		30	35	
6		Biên thép kèm lạnh	Phú Mỹ	10		7	15	
7		Biên thép kèm lạnh	Hà Nam	60		50	70	
8		Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày < 0.57mm	Phú Mỹ	80		40	80	
9		Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày < 0.57mm (90% hàng có độ dày < 0.57mm)	Bình Định - Nhơn Hội	50		30	50	
10		Tôn tấm thứ phẩm các loại (70 - 80% hàng < 0.57, 20 - 30% hàng ≥ 0.57) dạng tấm, khách hàng sẽ phải tự bốc tay lên xe. Dạng cuộn, nhà máy hỗ trợ lên hàng	Nghệ An - Đông Hải	40		20	40	
11		Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày ≥ 0.57mm	Phú Mỹ	10		10	15	
12		Tôn tấm thứ phẩm các loại (tấm đầu vào)	VLXD Phú Mỹ	30		25	30	
13		Tôn tấm (dạng bao bì)	VLXD Phú Mỹ	5		2	4	
14		Tôn tấm (dạng bao bì)	Hà Nam	20		10	20	
15		Tôn tấm (dạng bao bì)	Yên Bái	20		10	19	
16	1	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 80 tấn	Phú Mỹ	80	80			
	2	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 120 tấn	Phú Mỹ	110	120			
	3	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 70 tấn (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	70	70			
17		Tôn thép thứ phẩm các loại	Nghệ An - Nam Cẩm	10		5	15	
18		Tôn thép thứ phẩm các loại	Bình Định - Nhơn Hội	60		40	70	
19		Tôn thép thứ phẩm các loại	VLXD Phú Mỹ	40		50	60	
20		Tôn thép thứ phẩm các loại	MTV Phú Mỹ	10		8	11	
21		Tôn thép thứ phẩm các loại	Bình Định - Nhơn Hòa	5		3	6	
22		Tôn thép thứ phẩm các loại	Hà Nam	20		10	20	
23		Tôn thép thứ phẩm các loại	Yên Bái	10		10	17	
24		Sắt thép thứ phẩm cơ khí	Phú Mỹ	10		7	15	
25		Sắt thép thứ phẩm cơ khí	Bình Định - Nhơn Hòa	5		2	4	
26	1	Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - Lô 50 tấn	Phú Mỹ	70	50			
	2	Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	220	150			
27		Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (hàng ố màu, bong tróc, quần biên, rách biên)	Phú Mỹ	90	85.38			

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (trước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
28		Tôn lạnh, tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	150		50	100	
29		Tôn lạnh, tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (90% hàng < 1 tấn, bao gồm có lõi sắt < 100kg)	Bình Định - Nhơn Hội	50	29.95			
30		Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (69% hàng > 1 tấn. Hàng nhám xỉ, bong tróc, rạch biên)	Bình Định - Nhơn Hội	20	18.32			
31		Tôn lạnh màu, tôn kẽm màu, tôn phủ màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)	Phú Mỹ	120		40	80	
32		Tôn lạnh màu, tôn kẽm màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg) (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	50		10	30	
33		Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (hàng < 1 tấn, bao gồm có lõi sắt < 100kg)	Bình Định - Nhơn Hội	50	30.57			
34		Tôn lạnh màu, tôn kẽm màu, tôn phủ màu thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm.	Phú Mỹ	20		10	20	
35	1	Thép dày mạ kẽm, thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - Lô 100 tấn	Phú Mỹ	150	100			
	2	Thép dày mạ kẽm, thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - Lô 130 tấn	Phú Mỹ	190	130			
	3	Thép dày mạ kẽm, thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - (Nhà máy hỗ trợ lên hàng) - Lô 90 tấn	Nghệ An - Đông Hải	100	90			
36		Thép dày mạ kẽm, mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm (hàng bong tróc, quân biên, rạch biên)	Phú Mỹ	40	43.09			
37		Thép cán nguội, cán nóng thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	Phú Mỹ	30		20	30	
38		Thép cán nguội thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm có lõi sắt < 100kg), nhà máy hỗ trợ lên hàng	Nghệ An - Đông Hải	30		10	30	
39		Thép cán nóng, thép cán nguội L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm)	Phú Mỹ	70		40	80	
40		Thép cán nguội L2, có độ dày < 0.57mm (Ghi chú: hàng < 2 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng < 0.57mm)	Phú Mỹ	40	38.36			
41		Thép cán nguội L2, có độ dày < 0.57mm, hàng ≥ 2 Tấn (Ghi chú: hàng ≥ 2 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng 70% hàng < 0.57mm, 56% hàng dân biên, rạch biên)	Phú Mỹ	20	20.29			
42		Thép cán nóng, cán nguội thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm	Phú Mỹ	20		10	20	
43		Thép cán nguội, cán nóng thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	30		10	30	
44		Thép cán nóng, thép cán nguội L2, có độ dày ≥ 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày ≥ 0.57mm)	Phú Mỹ	60		30	60	
45	1	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 50 tấn	VLXD Phú Mỹ	70	50			
	2	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 70 tấn	VLXD Phú Mỹ	100	70			
	3	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 15 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	20	15			
	4	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 25 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	30	25			
	5	Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 35 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	50	35			
46		Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	Nghệ An - Nam Cẩm	70		30	50	
47		Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	Hà Nam	90		50	70	
48		Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	Yên Bái	70		30	60	
49		Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1	MTV Phú Mỹ	30		15	20	
50	1	Thép hộp kẽm thứ phẩm - Lô 50 tấn	VLXD Phú Mỹ	50	50			
	2	Thép hộp kẽm thứ phẩm - Lô 45 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	50	45			
51		Thép hộp kẽm thứ phẩm	MTV Phú Mỹ	10		10	15	
52		Thép hộp kẽm thứ phẩm	Nghệ An - Nam Cẩm	20		10	20	
53		Thép hộp kẽm thứ phẩm	Hà Nam	30		15	30	
54		Thép hộp kẽm thứ phẩm	Yên Bái	20		14	25	
55		Thép ống nhúng kẽm thứ phẩm quy cách A1	MTV Phú Mỹ	30		20	25	
56		Thép ống nhúng kẽm thứ phẩm	MTV Phú Mỹ	20		15	20	
57		Thép ống đen thứ phẩm quy cách A1	MTV Phú Mỹ	30		30	40	
58		Thép ống đen thứ phẩm	MTV Phú Mỹ	20		15	20	
59		Hộp kim nhôm (dạng xỉ)	Phú Mỹ	160		40	70	
60		Hộp kim nhôm (dạng xỉ)	Bình Định - Nhơn Hội	70		30	40	
61		Hộp kim nhôm (dạng xỉ) (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	90		20	40	
62		Hộp kim kẽm (dạng xỉ)	Phú Mỹ	240		25	50	
63		Hộp kim kẽm (dạng xỉ)	Bình Định - Nhơn Hội	130		20	30	
64		Hộp kim kẽm (dạng xỉ) (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	110		10	25	
65		Hộp kim kẽm (dạng xỉ)	MTV Phú Mỹ	250		50	60	
66		Hộp kim kẽm (dạng vụn)	MTV Phú Mỹ	60		20	28	



LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
67		Hợp kim kẽm (dạng bột)	MTV Phú Mỹ	130		30	40	
68	1	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	250	150			
	2	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 200 tấn	Phú Mỹ	330	200			
	3	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 80 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	100	80			
	4	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 120 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	150	120			
	5	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu, Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	150	100			
	6	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 200 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu, Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	300	200			
69		Biên thép cán nóng 5-20mm	MTV Phú Mỹ	40		20	30	
70		Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm	MTV Phú Mỹ	20		15	20	
71		Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm	Bình Định - Nhơn Hội	100		60	90	
72		Thép thứ phẩm (dạng dăm bảo)	Bình Định - Nhơn Hòa	10		10	20	
73		Thép thứ phẩm (dạng dăm bảo)	Hà Nam	20		20	25	

Ghi chú:

1. Bên Dự thầu đã đọc kỹ tất cả nội dung trong Hồ sơ Mời thầu Số 02-PPPL/01.21/HISG, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bên Mời thầu (Hoa Sen Group và các nhà máy trực thuộc Hoa Sen Group) và cam kết thực hiện đúng theo các nội dung đề cập trong Hồ sơ Mời thầu.

2. Bên Dự thầu đề nghị giá thầu cho từng loại hàng hoá như sau:

- Đơn giá trên đã bao gồm VAT 10% và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Đơn giá chào thầu hợp lệ của các đơn vị cho từng mặt hàng là đơn giá chào phải làm tròn hàng đơn vị 0 đồng và sẽ không được chào giá lại mặt hàng đã chào giá không hợp lệ.

- Các nhà máy của Hoa Sen sẽ thay đổi quy trình vào/ra cổng bảo vệ có lắp đặt phần mềm kiểm tra ngẫu nhiên khi xe vào/ra lấy hàng. Vì vậy, khi xe của Quý khách hàng được ngẫu nhiên lựa chọn, vui lòng hợp tác và phối hợp chặt chẽ với Nhà máy để công tác kiểm soát hàng hóa trên xe được nhanh chóng, chính xác, và theo đúng quy định của Nhà máy.

- Đối với những mặt hàng Thứ phẩm, phụ phẩm chốt bán theo lô thì dung sai nhận hàng $\pm 5\%$.

- Đối với các mặt hàng Thứ phẩm, phụ phẩm (các mặt hàng bao tiêu), Bên dự thầu nhận hàng tồn kho trước ngày 16/01/2021 và hàng phát sinh đến hết ngày 31/01/2021, thời gian nhận hàng từ 16/01/2020 đến 05/02/2021.

- Đối với các mặt hàng Thứ phẩm, Phụ phẩm chào theo lô, Bên dự thầu nhận hàng tồn kho đến hết ngày 30/01/2021, thời gian nhận hàng từ 16/01/2021 đến 31/01/2021.

- Số lượng: Căn cứ vào trọng lượng thực tế qua cân tại nhà máy Bên Bán đối với hàng Thứ phẩm, phụ phẩm.

- Xuất xứ: Hoa Sen Group/Nhà máy HSPM/VLXD Hoa Sen/Nhà máy HSNA (Đông Hải)/Nhà máy HSNA (Nam Cẩm)/Nhà máy HS Bình Định/HS Hà Nam/HS Yên Bái/MTV HS Phú Mỹ.

- Đơn vị trúng thầu nếu không tiến hành ký hợp đồng, nhận hàng theo thời hạn quy định sẽ bị thu cọc của lô hàng đó theo quy định của Hoa Sen.

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2020
Bên dự thầu
(Ký, họ tên)

... T.C.P ...

